

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN M
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 25-02-2020
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN M, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Hồng Nương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Ngô Thị Út Hậu
2. Bà Phạm Thị Bích Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân quận M, thành phố Cần Thơ.

Trong ngày 25 tháng 02 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận M, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 22/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1982 (Có mặt)

Địa chỉ: Khu vực T, phường A, quận M, thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn: Anh **Lê Văn U**, sinh năm 1976 (Có mặt)

Địa chỉ: Khu vực T, phường A, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 08/01/2020 và trình bày của các đương sự, vụ án được tóm tắt như sau:

Vào năm 1997, chị Nguyễn Thị L và anh Lê Văn U sau một thời gian tìm hiểu đã tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, quận M, thành phố Cần Thơ vào ngày 21/6/2006.

Trong quá trình chung sống, anh chị có ba con chung tên Lê Thị K (nữ), sinh ngày 22/12/1999, Lê Thị Mỹ A (nữ), sinh ngày 29/10/2001 và Lê Hữu N (nam), sinh ngày 20/8/2008.

Chị Nguyễn Thị L trình bày: Thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc, đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm về cuộc sống, thường bất hòa về tình cảm và về kinh tế gia đình. Anh U không quan tâm gia đình, mọi chuyện trong gia đình đều do chị L lo liệu, quá áp lực nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Chị đã cố duy trì hôn nhân nhưng không có kết quả, nên chị đã dọn ra ngoài sống riêng và đã ly thân từ đó đến nay. Đến nay do mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được như mong muốn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh U.

Về con chung: các con Lê Thị K và Lê Thị Mỹ A đã trưởng thành nên không đặt ra vấn đề nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị đồng ý giao con chung Lê Hữu N cho anh U trực tiếp nuôi dưỡng đến trưởng thành, chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng số tiền 1.000.000 đồng cho đến khi con chung Lê Hữu N đủ 18 tuổi.

Anh Lê Văn U trình bày: Khoảng năm 2014 cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, bất hòa về tình cảm và kinh tế gia đình nên thường xuyên cãi nhau đúng như chị L trình bày. Anh chị sống ly thân từ năm 2014 đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn một phần do chị L không chung thủy trong cuộc sống vợ chồng, hiện đang sống với người đàn ông khác và đã có con gái 04 tuổi. Anh U không có lỗi gì với chị L, từ đó đến nay anh ở nhà nuôi con nên anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Các con Lê Thị K và Mỹ A đã trưởng thành nên không đặt ra vấn đề nuôi dưỡng. Nếu chị L cương quyết ly hôn, anh yêu cầu nuôi dưỡng cháu Lê Hữu N đến trưởng thành, thống nhất việc chị L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng số tiền 1.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị tự xác định không có sản chung và không có nợ chung, không yêu cầu tòa án xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu.
- Bị đơn giữ nguyên ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị L khởi kiện xin ly hôn với anh Lê Văn U và yêu cầu xác định người trực tiếp nuôi con. Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con giữa công dân và công dân được pháp luật dân sự điều chỉnh và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh U chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, quận M, thành phố Cần Thơ nên đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[3] Hội đồng xét xử nhận thấy: Nguyên tắc của hôn nhân phải được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, tiến bộ; xây dựng gia đình ấm no hạnh phúc; các thành viên trong gia đình có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Xét chị L cho rằng chị và anh U đã phát sinh những mâu thuẫn trầm trọng thời gian dài và mâu thuẫn gay gắt từ năm 2014. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, anh U không lo làm ăn, không quan tâm chăm sóc giúp đỡ vợ con và chị không thể tiếp tục chung sống với anh U nên đã sống ly thân. Nay tình cảm của chị dành cho anh U không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị cương quyết yêu cầu ly hôn. Anh U thừa nhận vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2014 và chị L không chung thủy trong cuộc sống vợ chồng, anh chị đã sống ly thân từ năm 2014 đến nay. Mặc dù anh không đồng ý ly hôn nhưng anh cũng không có phương pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng, vợ chồng không có sự quan tâm, chia sẻ với nhau trong thời gian dài. Điều này cho thấy tình cảm vợ chồng giữa anh chị đã thật sự rạn nứt, hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó, chị L yêu cầu xin ly hôn với anh U là có căn cứ nên được chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về con chung: Anh chị tự xác định có ba con chung, họ và tên là Lê Thị K (nữ), sinh ngày 22/12/1999, Lê Thị Mỹ A (nữ), sinh ngày 29/10/2001 và Lê Hữu N (nam), sinh ngày 20/8/2008.

Anh chị tự xác định con chung Lê Thị K và Mỹ A đã trưởng thành, có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Con chung Lê Hữu N hiện đang sống ổn định với anh U. Hữu N có nguyện vọng được tiếp tục

sống chung với anh U, và anh chị tự nguyện thỏa thuận thống nhất giao con chung Lê Hữu N cho anh U trực tiếp nuôi dưỡng, chị cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng số tiền là 1.000.000 đồng đến khi con đủ 18 tuổi. Xét sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, phù hợp quy định pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên được công nhận. Song, quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con là thiêng liêng nên người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; không ai được quyền cản trở chị L thực hiện quyền này.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị L và anh U cùng thống nhất không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết, trường hợp nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

[5] Về án phí: Chị L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm và án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều:

- Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điều 147; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 51; 56; 57; 81; 82; 83; 107; 110; 116 và 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị L.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Lê Văn U.

- Về con chung:

+ Các con chung Lê Thị K (nữ), sinh ngày 22/12/1999 và Lê Thị Mỹ A (nữ), sinh ngày 29/10/2001 đã trưởng thành, có khả năng lao động.

+ Giao con chung họ và tên: Lê Hữu N (nam), sinh ngày 20/8/2008 cho anh Lê Văn U trực tiếp nuôi dưỡng đến trưởng thành.

Ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con hàng tháng của chị L với số tiền là 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*)/tháng cho đến khi con chung (cháu Hữu N) đủ 18 tuổi.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho chị Nguyễn Thị L, không ai được quyền ngăn cản chị L thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Tách ra giải quyết thành vụ kiện khác khi các bên đương sự có yêu cầu và theo đúng trình tự thủ tục pháp luật quy định.

- Về án phí sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị L phải chịu số tiền án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) và 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí cấp dưỡng, khấu trừ tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 010760 ngày 10/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận M sang thành tiền án phí. Chị L phải nộp tiếp số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*).

- Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án để xin Tòa án nhân dân Thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
đã ký**

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Q. M;
- Chi cục THADS Q. M;
- TAND TP. Cần Thơ;
- UBND phường;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lưu Thị Hồng Nương